

Số: 16 /BC-HĐND

Quảng Trị, ngày 23 tháng 4 năm 2014

BÁO CÁO

**Thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách HĐND tỉnh
Tại kỳ họp thứ 11- HĐND tỉnh khoá VI
(Từ ngày 24 đến ngày 25 tháng 4 năm 2014)**

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Luật định và sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Kinh tế Ngân sách thẩm tra 03 nội dung trình kỳ họp thứ 11-HĐND tỉnh Khóa VI gồm: ***“Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020; Huy động các nguồn lực và quy định mức hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014-2020 và Đề án sửa đổi, bổ sung mức thu phí đầu giá tài sản và phí tham gia đầu giá tài sản trên địa bàn tỉnh”***.

Để có cơ sở cần thiết cho công tác thẩm tra nội dung các Đề án do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh, Ban KTNS-HĐND tỉnh đã tiến hành làm việc với các ngành, đơn vị liên quan được phân công chuẩn bị đề án¹; tổ chức lấy ý kiến tham vấn của Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh Quảng Trị và của một số chuyên gia tâm huyết nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý quy hoạch ngành, lĩnh vực về Đề án Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới²; đối chiếu với các quy định của pháp luật, của Chính phủ và các nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và tình hình thực tế tại địa phương, Ban Kinh tế Ngân sách đã họp đề thông qua báo cáo thẩm tra và thống nhất trình HĐND tỉnh xem xét để quyết định các nội dung cụ thể sau:

PHẦN I

ĐỀ ÁN QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NÔNG NGHIỆP TỈNH QUẢNG TRỊ ĐẾN NĂM 2020

Sau khi xem xét Tờ trình số 1186/TTr-UBND ngày 17/4/2014 kèm theo Đề án số 1117/ĐA-UBND ngày 11/4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về ***“Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020”***. Ban Kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Về bố cục:

Đề án có 5 phần, gồm phần mở đầu; đánh giá thực trạng sản xuất ngành nông nghiệp; quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp đến năm 2020; giải pháp thực hiện quy hoạch; các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư và phần kết luận, kiến nghị.

¹ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn phòng Điều phối chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh, Trung tâm Đầu giá Tài sản tỉnh; Cty CP dịch vụ và bán đấu giá tài sản Miền Trung, Cty CP dịch vụ bán đấu giá tài sản Đất Việt.

² Ông Văn Việt Hòa: Nguyên PCT UBND tỉnh; Ông: Nguyễn Hữu Thông: PCT Liên hiệp hội các Hội KH&KT tỉnh Quảng Trị, nguyên GD Sở KH&CN; Ông: Võ Trục Linh: Nguyên GD Sở TN&MT; Ông: Thái Vĩnh Khang: Nguyên GD Sở Công Thương; Ông: Nguyễn Hữu Uyển: Nguyên PGĐ Sở KH&ĐT; Ông: Trương Văn Khanh: Nguyên PGĐ Sở NN&PTNT; 12 ý kiến tham gia của cán bộ quản lý một số ngành của tỉnh, các đồng chí nguyên lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND tỉnh, cán bộ chuyên trách ban tư vấn, phân biện và giám định của Liên hiệp các Hội KHK&T tỉnh Quảng Trị.

2. Về tên gọi của đề án:

Ban Kinh tế ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh cho bổ sung thêm phần “*Tầm nhìn đến năm 2025*” thành tên gọi đầy đủ khi ban hành nghị quyết là: “*Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025*”. Lý do:

Theo khoản 1, Điều 11 Luật Tổ chức HĐND&UBND năm 2003 quy định việc phê duyệt “*quy hoạch ngành*” thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.

Trong khi đó nội dung, phạm vi của đề án “*Quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020*” có thời gian ngắn hạn, bằng thời gian kế hoạch phát triển 5 năm của ngành nông nghiệp.

Mặt khác, thực tế tại tỉnh ta ngành nông nghiệp đang đóng một vai trò rất quan trọng trong ổn định và phát triển kinh tế xã hội và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu (GDP) của nền kinh tế; trong lúc đó thời điểm thông qua đề án quy hoạch lần này là năm 2014, thời gian thực hiện phải từ năm 2015 trở đi là tương đối ngắn đối với một chu kỳ quy hoạch để thực hiện chuyển dịch cơ cấu ngành phù hợp với đặc thù của ngành sản xuất nông nghiệp...; Do đó, cần *bổ sung thêm phần tầm nhìn (hoặc định hướng) đến năm 2025 (ít nhất phải thể hiện được các khâu quy hoạch của ngành về: Diện tích sử dụng đất, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cây con giống, ứng dụng tiến bộ KHKT, quy hoạch vùng nguyên liệu gắn với công nghiệp chế biến...)*.

3. Về nội dung.

a) Đánh giá chung.

Đề án đã nêu được sự cần thiết phải ban hành và kèm theo các căn cứ pháp lý, viện dẫn nhiều văn bản, nghị quyết, chỉ thị, quyết định và các tài liệu khác liên quan, phù hợp với định hướng phát triển ngành nông nghiệp của Chính phủ, các bộ ngành liên quan và nhất là tình hình phát triển ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Trị.

Các nội dung của đề án được trình bày tương đối chặt chẽ, thể thức rõ ràng, từ đó, đề ra những quan điểm, mục tiêu, giải pháp cho phát triển ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 khá phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh trong thời gian tới.

b) Phần đánh giá thực trạng sản xuất nông nghiệp.

- Đánh giá hiện trạng sản xuất ngành nông nghiệp giai đoạn 2005-2012 (*trang 4*) được phân thành 02 giai đoạn, kết quả thực hiện có so sánh với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2005-2010.

Kết quả cho thấy:

- Các chỉ tiêu đạt kế hoạch bao gồm chỉ tiêu tăng trưởng bình quân, diện tích cây lương thực có hạt, sản lượng lương thực có hạt, diện tích cây cao su, tỷ lệ che phủ rừng và chỉ tiêu trồng mới rừng tập trung.

- Các chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch bao gồm cả diện tích và sản lượng cây Hồ tiêu, cà phê, các chỉ tiêu về chăn nuôi của đàn trâu, đàn bò, đàn lợn, gia cầm, thủy sản.

Tuy nhiên để phân tích làm rõ nguyên nhân, có căn cứ cơ sở để xác định tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong giai đoạn tiếp theo và đề ra giải pháp hữu hiệu trong quy hoạch sắp đến, Ban Kinh tế ngân sách đề nghị cần làm rõ thêm một số nội dung sau:

- Các chỉ tiêu về tỷ trọng giữa các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp chuyển dịch chậm, chênh lệch nhiều so với kế hoạch đề ra (Cụ thể, cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp trồng trọt 77,8%/KH 60-63%, chăn nuôi: 17,5%/KH 24-25%, dịch vụ nông nghiệp: 4,7%/KH 12-16%).

- Đánh giá về chế biến nông, lâm, thủy sản (trang 11):

+ Phân phân tích nguyên nhân hạn chế mới chỉ dừng lại ở mức độ cập nhật số liệu; chưa làm rõ được nguyên nhân và mối quan hệ giữa cân đối nguyên liệu chế biến với quy mô của các nhà máy, mức độ hiện đại hoá công nghiệp chế biến và đầu tư cho công tác xử lý, khắc phục, giám thiêu ô nhiễm môi trường trên địa bàn...

+ Đánh giá phân tích việc xây dựng chuỗi giá trị hàng hóa từ sản xuất đến tiêu thụ còn hạn chế, sự phối hợp giữa “4 nhà” trong phát triển kinh tế chưa chặt chẽ và đồng bộ còn có những khoảng cách lớn mà chưa được đề cập trong báo cáo.

(Thực tế cho thấy các nhà máy hầu hết chưa xây dựng vùng nguyên liệu, khi thị trường hàng hoá nông sản được giá thì tranh mua, tranh bán; khi thị trường rớt giá thì các doanh nghiệp thu hẹp quy mô sản xuất, bỏ mặc cho người sản xuất tự xoay xở).

- Tương tự, phân đánh giá về sản xuất giống cây trồng (trang 16):

Cần làm rõ thêm: Hiện nay các cơ sở sản xuất giống trong tỉnh đã đáp ứng được bao nhiêu phần trăm nhu cầu về giống cho cây trồng, vật nuôi. Kết quả ứng dụng công nghệ sinh học cho công tác tạo giống, những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân cần được bổ sung, làm rõ...

c) Phần quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp đến năm 2020.

Các nội dung của Đề án được trình bày tương đối chặt chẽ, thể thức rõ ràng, những quan điểm, mục tiêu, giải pháp cho quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 khá phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh trong thời gian tới.

Tuy nhiên để nghị cơ quan soạn thảo bổ sung, làm rõ thêm các nội dung sau.

- Về mục tiêu tổng quát.

+ Một số mục tiêu tổng quát như tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân năm; cơ cấu ngành nông - lâm - thủy sản; diện tích gieo trồng lúa cả năm; diện tích trồng cây lâu năm so với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 và Quyết định 321/QĐ-TTg ngày 02/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 có sự thay đổi về chỉ tiêu, số liệu (Nghị quyết số 02/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh.) (viết tắt là NQ).

Cụ thể như sau:

+ Quyết định 321/QĐ-TTg ngày 02/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ ghi “Phấn đấu tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp thời kỳ 2011-2020 đạt bình quân 3,5-

4,0%/năm” và nghị quyết của HĐND tỉnh là từ 4-4,5%, Đề án trình là từ 3-3,5% thấp hơn.

+ Tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu nông – lâm – thủy sản 75,1% (NQ 64,5%), lâm nghiệp 5,8% (NQ 5,1-5,3%), Thủy sản 19,2% (NQ 30,4%);

+ Diện tích cây lương thực có hạt, diện tích trồng lúa, diện tích trồng hồ tiêu, cà phê cũng có thay đổi so với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2020.

+ Về tỷ trọng giữa trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp trong cơ cấu ngành nông nghiệp chuyên dịch chậm, mục tiêu tái cơ cấu thể hiện chưa rõ nét (Tỷ trọng ngành trồng trọt năm 2012: 67,6%, năm 2015: 67,4%, năm 2020: 65,3%. Chăn nuôi lần lượt theo mốc của các năm trên đây là: 26%, 26,4%, 28,7%. Dịch vụ nông nghiệp: 6,4%, 6,2%, 6,4%. Tỷ trọng dịch vụ nông nghiệp trong ngành nông nghiệp đến năm 2020 không tăng chỉ bằng mức của năm 2012 (6,4%).

Số liệu chưa chính xác như cộng tổng cơ cấu trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp năm 2020 là 100,4% (số đúng phải = 100%).

+ Giải trình thêm vì sao có sự chênh lệch về số liệu theo Quyết định 321/QĐ-TTg ngày 02/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị đến năm 2020:

(Cụ thể: Tăng tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp theo QH nông nghiệp đến năm 2020 (sau đây viết tắt là QH) đạt 35%/QH 26,4% vào năm 2015 và khoảng 40%/QH 28,7% vào năm 2020).

Phát triển thủy sản chiếm trên 30%/ QH 19,2% giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp vào năm 2020... ; Phần đầu sản lượng thủy sản vào năm 2015 đạt khoảng 32.000 - 33.000/ QH 27.500 tấn, năm 2020 đạt khoảng 38.000/ QH 32.000 tấn.

- Mục tiêu tổng quát quy hoạch diện tích lúa chất lượng cao 28.000 ha/QH 15.000 vào năm 2015 và 34.500 ha/ QH 18.000 -20.000 vào năm 2020.

- Giải trình số liệu tăng giảm trong bảng so sánh diện tích một số cây trồng trong giai đoạn quy hoạch (Bảng 6, trang 22; số liệu quy hoạch đất lâm nghiệp đến năm 2020 (trang 40).

VỀ KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT BỔ SUNG THÊM:

Ban Kinh tế ngân sách cơ bản thống nhất các nội dung quy hoạch của Đề án và đề nghị bổ sung thêm: Quy hoạch diện tích đồng cỏ phục vụ chăn nuôi (Trang 22,24).

- Về xác định cây trồng, vật nuôi chủ lực (trang 22) cần bổ sung cây sản nguyên liệu.

- Bổ sung thêm: Quy hoạch hệ thống đê điều thủy lợi, tỷ lệ sử dụng nước tưới tiêu phục vụ cho ngành nông nghiệp.

- Quy hoạch về chế biến, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, bổ sung thêm phần khai thác lợi thế của hành lang kinh tế Đông-Tây trong quy hoạch vùng nguyên liệu gần

với sự liên kết các nhà máy chế biến (Cà phê, cao su...), cũng như các hoạt động dịch vụ và bao tiêu sản phẩm nông lâm, ngư nghiệp của tỉnh.

Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp; xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp.

Về các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trình tại báo cáo đề án này có: 20 danh mục thuộc Chương trình trọng điểm; 14 công trình cần nâng cấp, 05 công trình cần xây dựng mới; 07 dự án cần vận động vốn ODA và nguồn vốn ứng phó với biến đổi khí hậu; 03 dự án chế biến công nghiệp phụ trợ, 21 danh mục dự án ưu tiên khác.

Ban KTNS đề nghị cần có sự sắp xếp lại theo thứ tự ưu tiên để khi có nguồn vốn chủ động triển khai đầu tư tập trung, trọng điểm cuốn chiếu sớm để phát huy hiệu quả vốn đầu tư.

d) Về giải pháp thực hiện quy hoạch.

Trong giải pháp về vốn đầu tư dự kiến tổng vốn đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2014-2020 khoảng 25.680 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách 12.500 tỷ đồng. Đây là nhu cầu nguồn vốn theo Quy hoạch khá lớn, nhưng phần khái toán còn quá sơ lược chưa làm rõ được nhu cầu cần đầu tư cho các loại cây, con nào? Các nguồn vốn được cân đối theo từng cấp ngân sách Trung ương, địa phương?

Đề nghị có giải trình làm rõ các căn cứ, cơ sở đảm bảo để thực hiện được quy hoạch; nhất là nguồn vốn từ ngân sách nhà nước phân cấp tại địa phương. Xem xét mức độ tương xứng và hiệu quả giữa tổng mức vốn đầu tư so với đóng góp GDP lĩnh vực nông - lâm - thủy sản (Bảng 23, trang 46).

- Giải pháp về chế biến nông-lâm-thủy sản chỉ dừng lại mức độ thống kê năng lực gia công, chế biến hiện tại và cân đối với nguyên liệu, chưa đưa ra giải pháp công nghệ chế biến hiện đại, sản phẩm mới có tính đột phá.

Cần bổ sung giải pháp hiện đại hóa công nghiệp bảo quản, chế biến; đồng thời phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ phục vụ nông nghiệp gắn với các cụm công nghiệp để hình thành các trung tâm kinh tế có vai trò dẫn dắt và tác động lan tỏa đến sự phát triển các vùng khác.

Bổ sung giải pháp ưu tiên ứng dụng công nghệ sinh học để tạo ra và chủ động được nhiều giống cây trồng, vật nuôi và quy trình sản xuất đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, tăng nhanh giá trị gia tăng trên mỗi đơn vị diện tích canh tác.

Cụ thể giải pháp chế biến nông sản; chế biến gỗ, chế biến lâm sản; chế biến thủy sản chưa thể hiện rõ nét, nếu đề án được thông qua đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các ngành chuyên môn tập trung xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, tránh tình trạng xây dựng nhà máy nhiều mà vùng nguyên liệu nói chung không đáp ứng đủ¹.

- Cần đặt lên hàng đầu việc nâng cao vị thế người nông dân, bảo đảm cho nông dân đủ năng lực và bản lĩnh của lực lượng chủ công trên mặt trận nông nghiệp và tham gia

¹ Sản lượng mù cưa su hiện nay mới đáp ứng được 45,5% nhu cầu ; Các cơ sở giết mổ gia súc, giú cầm còn nhỏ lẻ, phân tán(trang 12); nguồn nguyên liệu rừng trồng không đủ cung cấp cho các nhà máy chế biến; sản phẩm thủy chế biến thủy sản hiệu quả kinh tế thấp (trang 13); chế biến xuất khẩu thủy sản hoạt động chưa ổn định (trang 14)..

quyết định một cách công bằng, bình đẳng trong lưu thông, phân phối thành quả sản xuất nông nghiệp.

Phát triển đội ngũ doanh nhân-nông gia giỏi ở khu vực nông thôn và đồng viên, khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, doanh nhân ở đô thị hướng về nông thôn, khuyến khích sử dụng, chuyển giao công nghệ cao của thế giới vào nông nghiệp, nông thôn, nông dân; đây chính là lực lượng tiên tiến của nông nghiệp trong giai đoạn mới.

4. Phần kết luận thẩm tra và kiến nghị HĐND tỉnh.

Đề án Quy hoạch phát triển nông nghiệp tỉnh Quảng Trị đến năm 2020 đã có sự rà soát, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu tái cơ cấu nông nghiệp, xác định rõ cây trồng, vật nuôi chủ lực, phát triển thị trường hàng hóa nông nghiệp trong điều kiện hội nhập quốc tế và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Quy hoạch sản xuất nông nghiệp đã có sự gắn kết tính toán cụ thể cho từng loại cây trồng, vật nuôi với các địa bàn vùng, lãnh thổ, giữa các huyện khá rõ ràng, đã có sự liên vùng có tính đến sự tương tác, hỗ trợ, khai thác và phát huy nguồn lực để đẩy mạnh phát triển các vùng kinh tế trong nông nghiệp, tạo động lực cho nền kinh tế, đồng thời hỗ trợ phát triển các vùng còn nhiều khó khăn.

Quy hoạch phát triển nông nghiệp chú trọng đến việc đổi mới tổ chức sản xuất và lưu thông hàng hóa thông qua việc tổ chức sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả, khả năng cạnh tranh, tăng sản lượng và giá trị hàng hóa tiêu thụ, đem lại giá trị cao đối với từng loại đất. Ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ hiện đại trong sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ hàng hóa.

Ban Kinh tế ngân sách, đề nghị UBND tỉnh giải trình làm rõ những vấn đề đã nêu trên và kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua Đề án.

PHẦN II ĐỀ ÁN HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC VÀ QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2014-2020

Xét Tờ trình số 1185/TTr-UBND ngày 17/4/2014 kèm theo Đề án số 1118/ĐA-UBND ngày 11/4/2014 của UBND tỉnh về việc đề nghị phê duyệt Đề án Huy động các nguồn lực và quy định mức hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014-2020, Ban Kinh tế Ngân sách HĐND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Về sự cần thiết phải xây dựng đề án.

Cơ bản đồng tình với đề án đã trình và thấy rằng: Đối với tỉnh Quảng Trị chúng ta có hơn 70% dân số đang sinh sống trong khu vực nông thôn; do đó lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và nông dân luôn có một vai trò, vị trí rất quan trọng trong chiến lược ổn định, phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà;

Mặt khác, đề cụ thể hóa Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 là "Giao HĐND tỉnh quyết định

mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng ngân sách của từng địa phương”.

Vì vậy, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua “Đề án huy động các nguồn lực và quy định mức hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014-2020” để thống nhất tổ chức thực hiện tại địa phương là hết sức cần thiết và phù hợp với các quy định hiện hành.

2. Về cơ sở pháp lý.

Đề án được xây dựng đã dựa trên cơ sở pháp lý của các văn bản hướng dẫn chỉ đạo của Nghị quyết Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ ngành của Trung ương, Nghị quyết của Đại Hội đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XV và các Chương trình hành động của Tỉnh ủy.

3. Về bố cục: Thống nhất với Đề án gồm có 05 phần chính: Đặt vấn đề; Thực trạng huy động các nguồn vốn trong xây dựng nông thôn mới; Quan điểm, mục tiêu xây dựng đề án; Nội dung, phương thức huy động nguồn lực và quy định mức hỗ trợ ngân sách các cấp xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014-2020; Tổ chức thực hiện và kết luận, kiến nghị.

4. Về tên gọi của đề án “Huy động các nguồn lực và quy định mức hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014-2020”.

Qua xem xét thấy rằng : Đề án mới chỉ dừng lại nhân tố tác động của nguồn vốn, mà chưa đề cập nhiều đến việc huy động các nguồn lực khác như: Tài nguyên thiên nhiên, KH&CN, nhân tố con người và việc lồng ghép các nguồn vốn đầu tư cũng như các nhân tố tác động của nguồn lực phi vật chất như thể chế, đặc điểm văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng... nhằm tạo động lực, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế: Đặc biệt là thiếu đề cập vai trò trung tâm có ý nghĩa quyết định phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của người nông dân trong xây dựng nông thôn mới;

Trong phạm vi xây dựng Đề án chủ yếu trọng tâm là huy động các nguồn vốn và quy định mức hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, để thống nhất với khả năng huy động nguồn vốn và phù hợp với mục tiêu thực hiện Chương trình theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020, Ban KTNS-HĐND tỉnh thống nhất đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh với tên gọi: “**Huy động các nguồn lực và quy định mức hỗ trợ xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị đến năm 2020**”.

5. Phần đánh giá thực trạng huy động các nguồn vốn trong xây dựng nông thôn mới.

Ban KTNS-HĐND tỉnh đồng tình với: Phần đánh giá thực trạng chung về kết quả huy động nguồn vốn đầu tư và cơ chế hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho xây dựng nông thôn mới; đã nêu được những khó khăn, hạn chế và thách thức; liệt kê hiện trạng và kết quả bước đầu trong thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới sau 03 năm đạt được cũng như các cơ chế, chính sách của tỉnh có liên quan đến các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Về một số nội dung cụ thể, báo cáo đề án cần bổ sung làm rõ:

- Thực trạng về cơ chế lồng ghép các nguồn vốn đầu tư; báo cáo cần bổ sung làm rõ những hạn chế, khó khăn trong việc gắn kết các cơ chế, chính sách của tỉnh với các chương trình đầu tư hỗ trợ của Trung ương trong việc thực hiện các nội dung chính Đề án xây dựng nông thôn mới để có hướng điều chỉnh phù hợp; đặc biệt các chính sách liên quan đến thực hiện 19 tiêu chí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM. *(gồm cả 14 chương trình MTQG và 25 chương trình Trung ương hỗ trợ có mục tiêu khác của Chính phủ với thực hiện 11 chính sách riêng của tỉnh liên quan đến nông nghiệp, nông thôn).*

- Chưa thể hiện rõ những khó khăn, bất cập, nhất là việc huy động lồng ghép các nguồn vốn trong thực hiện công tác Quy hoạch xây dựng NTM và lập Đề án xây dựng NTM giai đoạn 2010-2013, cũng như triển khai một số cơ chế, chính sách trong thời gian qua để điều chỉnh, bổ sung phù hợp.

- Về xây dựng NTM tại 30 xã điểm (9 xã tỉnh chọn và 21 huyện chọn): Cần có đánh giá bổ sung kết quả thực hiện để định hướng nội dung đầu tư cho thời gian tới; đặc biệt xác định các nội dung và hình thức ưu tiên đầu tư giai đoạn 2014-2020 hay thực hiện đầu tư bình quân như các xã khác.

6. Về quan điểm, mục tiêu xây dựng Đề án (Trang 11-12).

Thông nhất về quan điểm, phạm vi điều chỉnh của đề án và đề nghị khi ban hành nghị quyết của HĐND tỉnh không đưa phần này vào mà thể hiện trong các giải pháp cụ thể.

Riêng về phần Mục tiêu chung: Ban Kinh tế Ngân sách thấy rằng: Đề án đã phân đầu để đạt được mục tiêu theo Nghị quyết Đại hội XV Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2011-2015 “Đến năm 2015 toàn tỉnh có 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (24 xã) và đến năm 2020 có 50% số xã (59 xã)”.

Tuy nhiên, đến phần căn cứ vào kết quả cụ thể về khả năng ngân sách và huy động nguồn lực qua 3 năm thực hiện tại địa phương, UBND tỉnh lại chia mục tiêu thành 2 giai đoạn 2014-2015 và giai đoạn 2015-2020. *(Trang 12).*

Trong khi đó giai đoạn 2014-2015 thời gian còn lại quá ngắn, mục tiêu cụ thể lại thấp hơn mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh *(Đến năm 2015 có 10%/NQ 20% số xã đạt 19 tiêu chí tương đương 12 xã/NQ 20 xã)*, khả năng thực tế bố trí các nguồn lực để thực hiện mục tiêu giai đoạn theo Đề án khó khả thi.

Vì vậy, Ban Kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh kính đề nghị UBND tỉnh giải trình về những nội dung trên và kiến nghị HĐND tỉnh xem xét khi ban hành nghị quyết về mục tiêu chung của đề án là ***“đến năm 2020 có 50% số xã (59 xã) đạt chuẩn nông thôn mới, 58 xã còn lại đạt từ 15 tiêu chí xây dựng nông thôn mới trở lên”***.

(Như vậy có nghĩa là mục tiêu chung phân đầu đến năm 2020 tất cả 100% số xã (117 xã) đạt từ 15 tiêu chí trở lên).

Về Mục tiêu cụ thể của đề án chỉ thể hiện các chỉ tiêu kế hoạch phân đầu; vì vậy, nên đổi thành thành ***các chỉ tiêu cụ thể***.

7. Về phần nội dung, phương thức của huy động nguồn lực và quy định mức hỗ trợ thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014-2020.

Cơ bản thống nhất với các nội dung, phương thức huy động các nguồn lực cũng như quy định mức hỗ trợ từ ngân sách cho xây dựng nông thôn mới theo đề án đã trình.

** Dự kiến về vốn:* Tổng nhu cầu vốn đầu tư nông thôn mới của 117 xã giai đoạn 2014-2020 khoảng 7.414 tỷ đồng. Trong đó; giai đoạn 2014-2015 là 1.973 tỷ đồng, giai đoạn 2016-2020 là 5.441 tỷ đồng. (Bình quân của 7 năm là 1.059 tỷ đồng/năm). Tuy nhiên, riêng giai đoạn 2014-2015, bình quân 986,5 tỷ đồng/năm nhưng thực tế năm 2014 chưa được triển khai theo Đề án; Vì vậy, cần giải trình tính khả thi của việc huy động đủ nguồn vốn theo kế hoạch đến năm 2015.

Tổng nhu cầu vốn chia theo 05 nhóm tiêu chí:

- Nhóm tiêu chí quy hoạch (cơ bản đã hoàn thành giai đoạn 2011-2013);
- Nhóm tiêu chí về hạ tầng kinh tế xã hội (chiếm 70,2% nhu cầu vốn);
- Nhóm tiêu chí kinh tế và tổ chức sản xuất (chiếm 23,2% nhu cầu vốn);
- Nhóm tiêu chí văn hóa, xã hội, môi trường (chiếm 6,5% nhu cầu vốn);
- Nhóm tiêu chí hệ thống chính trị (chiếm 0,07% nhu cầu vốn).

Phân theo nguồn vốn:

- Vốn ngân sách (chiếm 52,5%);
- Vốn tín dụng (chiếm 22,4%);
- Vốn doanh nghiệp, HTX (chiếm 12,2%);
- Vốn dân đóng góp: (12,9%).

*** Về kế hoạch, phương thức huy động vốn:**

Đối với Nguồn vốn ngân sách Trung ương:

Ban KTNS cơ bản đồng tình với nội dung báo cáo Đề án và kiến nghị:

Tỉnh cần tập trung bố trí đủ nguồn vốn ngân sách Trung ương phân bổ đầu tư trực tiếp chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh theo cơ cấu bố trí vốn của Trung ương. Trong đó; Ưu tiên hỗ trợ lãi suất vốn vay cho phát triển sản xuất bình quân 5 tỷ đồng/năm; còn lại tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội thiết yếu và các nội dung khác như nội dung tại Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020 và Thông tư liên tịch số: 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02/12/2013 của liên bộ Nông nghiệp, Kế hoạch và Tài chính.

Thực hiện phân cấp cụ thể cho các sở, ban ngành, địa phương tham mưu thực hiện lồng ghép, phân bổ có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ đầu tư từ Chương trình Mục tiêu Quốc gia, Chương trình Trung ương hỗ trợ có mục tiêu và kết hợp lồng ghép các chương trình đầu tư theo các chính sách của tỉnh để nâng cao hiệu quả vốn đầu tư trong xây dựng nông thôn mới.

Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương.

Sau khi so sánh 02 phương án chọn về việc ưu tiên ngân sách tỉnh hàng năm bố trí trực tiếp cho chương trình xây dựng nông thôn mới, Ban KTNS nhận thấy rằng:

- Theo Dự toán thu ngân sách năm 2014, không tính thuế XNK (586 tỷ đồng), tổng thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp 1.029 tỷ đồng (gồm cả thu từ đất và các khoản thu khác có địa chỉ chi). Nếu chọn phương án 1, hàng năm dành 30 tỷ để đầu tư trực tiếp cho xây dựng nông thôn mới (tương ứng khoảng 3% tổng thu ngân sách địa phương được hưởng) thì tình khó cân đối để bố trí đủ vốn thực hiện.

Vi vậy, Ban KTNS thống nhất đề nghị của UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh chọn phương án 2: Hàng năm ngân sách tỉnh bố trí 20 tỷ đồng để đầu tư trực tiếp xây dựng nông thôn mới (tương ứng khoảng 2% tổng thu ngân sách địa phương được hưởng); trong đó, ưu tiên hỗ trợ bù lãi suất phát triển sản xuất từ 18-20% ; phần còn lại tập trung đầu tư hạ tầng thiết yếu *(Không bao gồm các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh theo các chính sách tỉnh đang thực hiện như KCH kênh mương và bê tông hóa GTNT và một số chương trình khác)*.

- Về Vốn lồng ghép: Thống nhất thực hiện lồng ghép các nguồn vốn hỗ trợ đầu tư từ 14 Chương trình MTQG, 25 chương trình Trung ương hỗ trợ **và bổ sung nội dung kết hợp lồng ghép 14 chương trình đầu tư theo chính sách riêng của tỉnh** để đầu tư trên địa bàn. Đồng thời, cần quy định rõ cơ chế lồng ghép, giám sát và nguyên tắc phân cấp quản lý, phân bổ nguồn vốn cụ thể để nâng cao hiệu quả vốn đầu tư *(tập trung nguồn vốn đầu tư, tránh dàn trải, sớm đưa công trình vào hoạt động)*.

*** Phương thức huy động các nguồn lực địa phương thực hiện chương trình.**

Ban KTNS nhận thấy rằng:

- Về mặt số liệu huy động vốn của từng giai đoạn: Chưa có sự thống nhất số liệu giữa kế hoạch và phương thức huy động vốn, cần điều chỉnh để có sự đồng bộ thống nhất (trang 16-17).

- Về phân cấp huy động vốn thực hiện chương trình từ ngân sách huyện và ngân sách xã. Việc quy định ngân sách huyện dành tối thiểu 30% tiền thu từ đất giá sử dụng đất và ngân sách xã dành tối thiểu 70% tiền đất giá đất để đầu tư các hạng mục công trình xây dựng nông thôn mới là rất khó cho các huyện có nguồn thu ít để bố trí vốn thực hiện. Vì vậy, Ban KTNS đề nghị thực hiện việc ngân sách huyện dành tối thiểu 30% tiền thu từ đất giá sử dụng đất và ngân sách xã dành tối thiểu 70% tiền đất giá đất *(nếu có)* để đầu tư các hạng mục công trình xây dựng nông thôn mới **sau khi trừ các khoản thực hiện theo các chính sách hiện hành (như trích 10% để lại cấp giấy CNQSD đất và lập hồ sơ địa chính ở mỗi cấp theo Chỉ thị 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 12a/2004/NQ-HĐ ngày 15/3/2014 của HĐND tỉnh về đối đất tạo vốn xây dựng CSHT theo Nguyên tắc sử dụng nguồn thu từ đất giá đất để đầu tư trở lại khu vực có đất đầu giá ... và các chi phí khác)**.

Đồng thời, bổ sung thêm phương thức huy động các nguồn vốn tín dụng; vốn doanh nghiệp, Hợp tác xã để phù hợp với kế hoạch huy động các nguồn vốn theo Đề án đã đề cập (trang 17, 18).

*** Về quy định cụ thể mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong xây dựng nông thôn mới (trang 19).**

Ban KTNS-HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với các định mức quy định hỗ trợ để thực hiện đầy đủ 8 tiêu chí chung liên quan về mục tiêu xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội trong tổng số 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới.

Riêng các định mức hỗ trợ đang thực hiện theo chính sách của Tỉnh và Trung ương; Ban KTNS đề nghị làm rõ và bổ sung quy định phân cấp quản lý trong việc lồng ghép các nguồn vốn đầu tư từ các chương trình nguồn vốn Trung ương và địa phương gắn với xây dựng nông thôn mới; đặc biệt giải pháp phân cấp quản lý lồng ghép, cơ chế lồng ghép, phạm vi lồng ghép và chủ thể lồng ghép.

- **Về nguồn vốn đầu tư xây dựng trụ sở xã:** Ban KTNS nhận thấy rằng, từ năm 2012, nguồn vốn Trung ương hỗ trợ đầu tư trụ sở xã không được bố trí nữa, vì vậy đề nghị sửa lại là:

“Hàng năm Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định mức hỗ trợ đầu tư xây mới và cải tạo, nâng cấp trụ sở xã phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách” (bao gồm cả vốn Trung ương và địa phương).

- **Về Xây dựng nghĩa trang nhân dân của các xã, thôn/bản.**

Ban KTNS đề nghị Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ 100% kinh phí quy hoạch; các nội dung còn lại huy động nội lực nhân dân, xã hội hóa.

- **Về chính sách hỗ trợ cho vay phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập.**

Thống nhất quy định mức hỗ trợ chênh lệch lãi suất tiền vay giữa ngân hàng thương mại và ngân hàng chính sách cho hộ gia đình, cá nhân vay sản xuất.

Riêng mức hỗ trợ lãi suất đối với hộ nghèo, cận nghèo đề nghị theo mức 50% theo quy định của Ngân hàng chính sách xã hội để tránh được sự trùng lặp về các chính sách khác của nhà nước đang có và hạn chế sự ỷ lại của các đối tượng này (trang 22 của đề án).

Tổng vốn tín dụng cho vay được cấp bù lãi suất dự kiến huy động giai đoạn 2014-2020 khoảng 1.357 tỷ đồng, chiếm 18,3% tổng vốn đầu tư; trong đó, vốn cho vay hỗ trợ sản xuất 61 tỷ đồng, bình quân 8,7 tỷ đồng/năm, trong đó: (NSTW 5 tỷ theo TTLT số 51 ngày 02/12/2013 của Liên bộ NN, KH và TC, Ngân sách tỉnh 3,7 tỷ), chiếm 21,67% vốn đầu tư từ ngân sách cho chương trình.

Vi vậy, Ban KTNS đề nghị vốn ngân sách nên tập trung ưu tiên cấp bù lãi suất cho vay để kích cầu phục vụ phát triển sản xuất, tăng thu nhập, nâng cao đời sống nhân

dân nhằm đạt mục tiêu “dân giàu, nước mạnh”. Ngoài ra, cần có thêm cơ chế khuyến khích hỗ trợ, động viên khen thưởng thích đáng để tạo điều kiện cho các ngân hàng, tổ chức tín dụng và doanh nghiệp tích cực tham gia thực hiện chính sách của địa phương trong xây dựng nông thôn mới.

- Về mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ cho vay.

Ban KTNS nhận thấy, Đề án đã có quy định để thực hiện chính sách nhưng sẽ khó áp dụng khi triển khai thực hiện. Cụ thể chưa quy định mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng của mỗi một gia đình nông dân, trang trại, gia trại tối đa là bao nhiêu và đối tượng cây, con cụ thể cho vay được hỗ trợ lãi suất như thế nào...?

Vì vậy, Ban KTNS đề nghị: Để đảm bảo chính sách cho vay sản xuất được hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước được thực thi một cách công bằng, minh bạch, hạn chế rủi ro, kính đề nghị HĐND tỉnh giao UBND tỉnh xây dựng quy định về định mức cho vay được hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước cụ thể theo chính sách tại đề án này thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh trước khi triển khai thực hiện.

Chưa xem xét thông qua Phụ lục số 11 tham chiếu về hỗ trợ lãi suất tiền vay phát triển sản xuất tại đề án này.

Về kinh phí hỗ trợ lãi suất vốn vay.

Thống nhất tổng kinh phí ngân sách hỗ trợ cấp bù lãi suất vốn vay giai đoạn 2014-2020 là 61 tỷ đồng, bình quân 8,7 tỷ đồng/năm. (NSTW 5 tỷ/năm theo TTLT 51 ngày 02/12/2013 của liên bộ NN-KH-TC, Ngân sách tỉnh 3,7 tỷ/năm). Đây là tổng khoản kinh phí hỗ trợ lãi suất vốn vay tối đa được tính toán áp dụng theo mức lãi suất tại thời điểm đầu năm 2014 của các ngân hàng thương mại để huy động khoảng 1.357 tỷ đồng vốn vay; trong quá trình thực hiện của cả giai đoạn 2014-2020, tổng mức huy động vốn vay ngân hàng được hỗ trợ lãi suất có thể thay đổi tùy theo tỷ lệ lãi suất tiền vay của ngân hàng thương mại (Trong dự toán có tính cho cả năm 2014 nhưng chưa triển khai nên sẽ ít hơn).

8. Về giải pháp thực hiện.

Cơ bản đồng tình cao với các giải pháp trong Đề án đã nêu và đề nghị bổ sung thêm các giải pháp sau:

- Trên cơ sở định mức quy định hỗ trợ của tỉnh, các địa phương chủ động phát huy tiềm năng, lợi thế; chọn lĩnh vực, công trình ưu tiên đầu tư theo từng năm phù hợp để tránh phân tán nguồn lực và vượt khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

- Phát huy vị trí, vai trò và gắn trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp trong việc phân công thực hiện từng mục tiêu trong xây dựng nông thôn mới tại xã để đạt được từng tiêu chí theo lợi thế của địa phương.

9. Các kiến nghị, đề xuất.

Để thực hiện tốt các nội dung, chính sách sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về: Huy động nguồn lực và định mức hỗ trợ ngân sách xây dựng nông thôn mới”, Ban KTNS-HĐND tỉnh xin kiến nghị HĐND tỉnh:

- Giao UBND tỉnh tập trung chỉ đạo xây dựng và sớm hoàn thiện thiết kế mẫu các hạng mục đầu tư xây dựng nông thôn mới đảm bảo thống nhất tổ chức thực hiện để tránh việc xây dựng tùy tiện, lãng phí và không phát huy hiệu quả.

- Chỉ đạo, đôn đốc các địa phương khẩn trương hoàn thành công tác lập đề án xây dựng nông thôn mới cấp xã (hoặc điều chỉnh quy hoạch nếu bất hợp lý) và tổ chức công bố quy hoạch, đề án xây dựng NTM đã được phê duyệt tại các địa phương.

- Cần ưu tiên chọn các hạng mục đầu tư xây dựng nông thôn mới phù hợp với đặc điểm từng vùng với các bước đi cụ thể, đảm bảo vững chắc trong từng giai đoạn trong quá trình tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới.

- Các cấp chính quyền tích cực hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thực hiện đầy đủ và cụ thể hóa các chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới được HĐND tỉnh ban hành để Nghị quyết sớm đi vào cuộc sống; đặc biệt các chính sách cho vay vốn hỗ trợ lãi suất.

- Tiếp tục cụ thể hóa các cơ chế, chính sách hỗ trợ và khuyến khích thu hút đầu tư thực hiện Chương trình; khuyến khích giao cho thôn, bản và cộng đồng dân cư thực hiện những công trình, dự án để nâng cao tính chủ động, trách nhiệm và vai trò của người dân trong triển khai thực hiện chương trình.

- Tập trung thực hiện tốt các giải pháp về đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với phát triển sản xuất ở nông thôn; phát triển văn hóa, xã hội nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn.

- Tiếp tục phát động đầy mạnh phong trào thi đua “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới” và phong trào “Quảng trị chung sức xây dựng nông thôn mới”; trên phạm vi toàn tỉnh.

Qua xem xét báo cáo và những ý kiến thẩm định đã nêu, Ban KTNS thống nhất đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về “*Huy động các nguồn lực và quy định mức hỗ trợ xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị đến 2020*”.

PHẦN III

ĐỀ ÁN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỨC THU PHÍ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN VÀ PHÍ THAM GIA ĐẤU GIÁ TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

Qua xem xét Tờ trình số: 1052/TTr-UBND ngày 10/4/2014 của UBND tỉnh, kết hợp tổ chức khảo sát thực tế tại các đơn vị là đối tượng trực tiếp thực hiện nội dung của “Đề án sửa đổi, bổ sung mức thu phí đấu giá tài sản và phí tham gia đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”, Ban Kinh tế Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Sự cần thiết ban hành phí đấu giá và phí tham gia đấu giá.

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét để sửa đổi bổ sung và ban hành mới các loại phí, lệ phí là nhằm kịp thời hoàn thiện các quy định mới của pháp luật về phí, lệ phí theo phân cấp của Chính phủ và các bộ ngành Trung ương giao HĐND tỉnh quyết định nhằm phù hợp với điều kiện phát triển KTXH của tỉnh từng thời kỳ.

Kể từ tháng 7 năm 2003 đến nay, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành 9 Nghị quyết chuyên đề về sửa đổi bổ sung và ban hành mới các loại phí, lệ phí thuộc thẩm

quyền Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nhưng vẫn chưa hoàn thiện các quy định về phí, lệ phí. Vì vậy, việc thống nhất trình HĐND tỉnh quyết định mức thu phí đấu giá và tham gia đấu giá tài sản lần này là nhằm phù hợp với quy định mới của Chính phủ và tình hình KTXH khi các mức giá, chi phí cho việc tổ chức đấu giá đã thay đổi.

2. Cơ sở pháp lý trình Đề án.

Các căn cứ để trình HĐND tỉnh xem xét, quy định mức thu phí đấu giá và phí tham gia đấu giá đảm bảo đúng với các quy định pháp luật về phí, lệ phí và thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh. Đặc biệt là thực hiện Nghị định 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về phí đấu giá tài sản và Thông tư số 03/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá.

3. Về tên gọi Đề án.

Đề nghị nên thống nhất tên gọi của Đề án ***“Quy định mức thu phí đấu giá tài sản và phí tham gia đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”*** thay cho Đề án ***“Sửa đổi, bổ sung mức thu phí đấu giá tài sản và phí tham gia đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”***, lý do:

- Việc ban hành mức thu phí đấu giá và phí tham gia đấu giá lần này đã thực hiện theo một văn bản quy định mới của Chính phủ (NĐ 17 và TT 03), thay thế cho các văn bản quy định về phí đấu giá và phí tham gia đấu giá khác của Chính phủ mà HĐND tỉnh đã áp dụng để quy định mức thu phí đấu giá tài sản trên địa bàn tại Nghị quyết số 06/2007/NQ-HĐND ngày 12/4/2007 (*Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản*).

- Phí đấu giá tài sản ban hành mới lần này thuộc danh mục về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh thực hiện theo phân cấp hướng dẫn tại Thông tư 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn gồm 25 khoản phí và 16 khoản lệ phí tại địa phương (*thay thế Thông tư số 96/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính*).

4. Về nội dung đề án.

Ban KTNS thống nhất với 02 nội dung về mức thu Phí đấu giá tài sản và Phí tham gia đấu giá tài sản theo nội dung Đề án trình, bằng mức quy định tối đa theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

****Quy định về quản lý, sử dụng phí.***

- Đối với Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh, là đơn vị sự nghiệp đang thực hiện tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động theo quy định của nhà nước.

Ban KTNS thống nhất với UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh quyết định:

+ Đối với Phí đấu giá: Đơn vị được trích lại 90% trên tổng số phí đấu giá tài sản thu được để thực hiện nhiệm vụ chi theo quy định, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

+ Đối với phí người tham gia đấu giá: Đơn vị được để lại 100% trên tổng số tiền thu được để thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định.

- Đối với doanh nghiệp: Thống nhất như nội dung đề án. Phí đầu giá tài sản là khoản thu không thuộc ngân sách nhà nước, đơn vị thu phí có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số phí thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu phí sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật. Hằng năm đơn vị thu phí phải thực hiện quyết toán thuế đối với số thu được với cơ quan thuế.

* Quy định về thời gian áp dụng: Tại nội dung đề án chưa đề xuất thời gian áp dụng thu phí. Qua khảo sát tình hình thực tế và kiến nghị của các đơn vị thụ hưởng thu phí, Ban KTNS đề nghị thời điểm áp dụng một số loại phí, lệ phí quy định tại Nghị quyết này kể từ ngày **01 tháng 5 năm 2014**.

5. Về kiến nghị, đề xuất.

Để tiếp tục hoàn thiện các quy định mới về phí, lệ phí Chính phủ phân cấp HĐND tỉnh quyết định, Ban KTNS-HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh tích cực chỉ đạo rà soát, tổng hợp trình HĐND tỉnh ban hành 24/25 khoản phí và 16 khoản lệ phí còn lại ở địa phương thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh tại kỳ họp lần sau nhằm thống nhất tổ chức thực hiện theo quy định Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí vừa mới ban hành.

Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh báo cáo đánh giá thực trạng và giải pháp tình hình thực hiện công tác thu, quản lý và sử dụng phí, lệ phí liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân cũng như con số thu được từ các khoản phí, lệ phí và chất lượng của các đơn vị, cá nhân liên quan cung cấp dịch vụ thu phí, lệ phí với HĐND tỉnh để xem xét tại kỳ họp lần sau.

Ban Kinh tế Ngân sách đề nghị bổ sung, sửa đổi một số nội dung như phần tham tra nêu trên và kiến nghị HĐND tỉnh đồng ý thông qua Nghị quyết về *"Quy định mức thu phí đầu giá tài sản và phí tham gia đầu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị"*.

PHẦN CUỐI THÂM TRA CÁC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Ban KTNS đã trực tiếp tham gia chỉnh sửa các Dự thảo Nghị quyết gửi trước cho đại biểu HĐND tỉnh nghiên cứu, xem xét và đề nghị sửa đổi, bổ sung một số nội dung, số liệu và giải pháp trong Báo cáo thẩm tra của Ban trình tại kỳ họp, khi được Chủ tọa kết luận sẽ đưa vào các Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách; Kính trình HĐND tỉnh xem xét và quyết định./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- ĐB HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Đại biểu dự họp;
- Lưu: VT, KTNS.

TM. BAN KINH TẾ NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN



Trần Đoàn